

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2022 và các năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Bắc Giang năm 2022 và các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá được hiện trạng thực hiện chuyển đổi số hằng năm của tỉnh; giúp các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh thấy được các điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục và cung cấp thông tin hỗ trợ cho các cơ quan liên quan thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong các nghị quyết, kế hoạch của tỉnh Bắc Giang về chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 và hằng năm.

- Phân công nhiệm vụ cho các ngành, địa phương chủ trì thực hiện hiệu quả các chỉ số chính, chỉ số thành phần của DTI cấp tỉnh được thể hiện trong Phụ lục I Quyết định số 922/QĐ-BTTTT.

2. Yêu cầu

- Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh để triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương.

- Kế hoạch xây dựng phải chi tiết, cụ thể, phân công rõ từng nhiệm vụ, từng chỉ tiêu cho các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về nhận thức số

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của ngành, địa phương đối với việc xác định DTI cấp bộ, cấp tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số: Xây dựng chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số và cập nhật thông tin trung bình 01 lần/tuần; xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và cập nhật tin, bài về chuyển đổi số ít nhất 20 tin, bài/năm; Các cơ quan báo chí của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số; Đài Phát thanh

và Truyền hình tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số từ 01 lần/tuần; Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số từ 01 lần/tuần.

2. Về thể chế số

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách về chuyển đổi số: Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của tỉnh⁽¹⁾; Kế hoạch hành động 5 năm của tỉnh về chuyển đổi số⁽²⁾; Kế hoạch hành động hằng năm của tỉnh về chuyển đổi số; Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số; ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT); ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số.

- Ban hành Quyết định bổ sung chức năng nhiệm vụ về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông: Kiện toàn cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ mới theo chủ trương chuyển đổi số, xây dựng, triển khai hạ tầng số, công nghệ số, nền tảng số và đồng thời cơ cấu lại Phòng Công nghệ thông tin thành Phòng Chuyển đổi số, Phòng Bưu chính Viễn thông thành Phòng Hạ tầng số, Trung tâm Công nghệ thông tin – Truyền thông thành Trung tâm Công nghệ số.

- Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số.

3. Về hạ tầng số

- Thực hiện phổ cập điện thoại thông minh giá rẻ cho người dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo: 100% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; 100% hộ gia đình có điện thoại thông minh; 100% hộ gia đình có kết nối internet băng rộng.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn (đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020) và kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Triển khai đầy đủ các nền tảng số dùng chung trên Trung tâm THDL của tỉnh: (1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); (2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; (3) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; (4) Nền tảng hợp trực tuyến; (5) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công

¹ Đã ban hành Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy

² Đã ban hành số 324/KH- UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh

tác quản lý nhà nước; (6) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; (7) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức.

- Đảm bảo các nền tảng số được triển khai đều ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI).

4. Về nhân lực số

- Triển khai thành lập và tổ chức hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) đến cấp xã, cấp thôn; đảm bảo 100% các xã thành lập Tổ CNSCĐ, khuyến khích cấp thôn thành lập Tổ CNSCĐ.

- Bố trí đủ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước để phục vụ triển khai chuyển đổi số.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tỷ lệ cán bộ được đào tạo là cao nhất.

- Triển khai phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân trên nền tảng OneTouch.

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người lao động trong độ tuổi lao động.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức đào tạo về chuyển đổi số cho sinh viên.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

- Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

5. Về an toàn thông tin mạng

- Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước, đảm bảo các hệ thống thông tin đều được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ⁽³⁾; triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt cho các hệ thống thông tin.

- Thực hiện cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia cho 100% máy chủ và máy trạm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố trong các cơ quan nhà nước; thực hiện xử lý, loại bỏ mã độc đối với các IP botnet được phát hiện, cảnh báo trong danh sách blacklist.

- Thực hiện giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia đối với các hệ thống thông tin của các cơ

³ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/03/2022 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với các Hệ thống thông tin thuộc Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang

quan nhà nước.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017.

- Xây dựng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước; tổ chức các cuộc diễn tập xử lý các sự cố tấn công mạng.

- Đảm bảo kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT) gồm: Kinh phí chi cho ATTT tối thiểu bằng 10% tổng chi ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số; kinh phí giám sát ATTT tối thiểu là 2 tỷ đồng; kinh phí kiểm tra, đánh giá ATTT tối thiểu là 2 tỷ đồng; kinh phí diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT tối thiểu là 2 tỷ đồng; kinh phí đào tạo, tập huấn ATTT tối thiểu là 2 tỷ đồng; kinh phí tuyên truyền nâng cao nhận thức ATTT tối thiểu là 2 tỷ đồng.

6. Về hoạt động chính quyền số

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định và thực hiện chuyển đổi sang IPv6.

- Triển khai Cổng dữ liệu mở đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định và thực hiện chuyển đổi sang IPv6.

- Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng Thông tin điện tử và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT.

- Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng Thông tin điện tử) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

- Đưa các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

- Nâng cao tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin; tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa; tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến; tỷ lệ tài khoản của người dân doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, mức độ 4; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT.

- Triển khai các nền tảng dữ liệu dùng chung: nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; nền tảng hợp tác trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh và đến từng thiết bị cá nhân; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức (các nền tảng số khi triển khai phải đảm bảo cá thể hóa theo nhu cầu của cá nhân).

- Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số: Mỗi hoạt

động nghiệp vụ quản lý nhà nước có ứng dụng AI để phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung phục vụ quản lý, ra quyết định.

- Đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho hoạt động chính quyền số đạt tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Về hoạt động kinh tế số

- Nâng cao tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đảm bảo đạt tối thiểu 20% GRDP của tỉnh.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT), doanh nghiệp nền tảng số hoạt động trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đạt tối thiểu 5%, doanh nghiệp nền tảng số đạt tối thiểu 10% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx đảm bảo đạt tối thiểu 10% số doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt tối thiểu 50% số doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt tối thiểu 80% số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 100% số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai kết nối internet băng rộng cố định cho các điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng đảm bảo tối thiểu đạt 50%.

- Đẩy mạnh các giao dịch trên sàn thương mại điện tử Voso.vn và Postmart.vn, đảm bảo tối thiểu 5% số lượng giao dịch trên tổng số bưu gửi chuyển phát hàng hóa qua Bưu điện Việt Nam và Viettel Post tại địa bàn.

- Đảm bảo kinh phí đầu tư từ ngân sách tỉnh cho kinh tế số đạt tối thiểu 0.25% tổng chi ngân sách tỉnh; kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách tỉnh cho kinh tế số đạt tối thiểu 0.25% tổng chi ngân sách tỉnh.

8. Về hoạt động xã hội số

- Phổ cập danh tính số/tài khoản định danh điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai cấp tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác cho người dân từ 15 tuổi trở lên đảm bảo tối thiểu 80% người dân được cấp trên tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên.

- Triển khai gắn địa chỉ số đến 100% các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo kinh phí chi cho các hoạt động xã hội số ở mức cao nhất.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

Các cơ quan được giao chủ trì cung cấp, theo dõi, gồm: Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh; Bưu điện tỉnh; Báo Bắc Giang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; UBND huyện, thành phố có biện pháp cải thiện, nâng hạng các chỉ số DTI cấp tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia triển khai Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh; Bưu điện tỉnh; Báo Bắc Giang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện chi tiết, đề ra biện pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số được phân công chủ trì, trong đó chỉ rõ những đơn vị cụ thể có liên quan cần phối hợp để cải thiện chỉ tiêu được giao trong Kế hoạch này.

- Đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các cơ quan phối hợp trong các chỉ tiêu được giao; thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu liên quan tới các chỉ tiêu được giao tại các Phụ lục của Kế hoạch này đột xuất, định kỳ hằng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý) và hằng năm (trước ngày 20/12) gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về mục tiêu, chỉ số của các chỉ tiêu được giao chủ trì.

- Thủ trưởng các sở, cơ quan và các đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ phối hợp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do đơn vị chủ trì yêu cầu phối hợp và thực hiện chế độ báo cáo (khi có yêu cầu từ đơn vị chủ trì). Chịu trách nhiệm trước đơn vị chủ trì về mục tiêu, chỉ số của các chỉ tiêu được giao phối hợp.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này tới toàn thể quần chúng nhân dân, tăng cường tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc nâng cao chỉ số chuyển đổi số nói riêng và việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nói chung. Tích cực kết nối với những kênh truyền thông ở cả địa phương và Trung ương nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền. Nghiên cứu, triển khai chương trình truyền thông (bao gồm: báo, truyền hình, mạng xã hội, trang web...) về chuyển đổi số theo chuyên đề hằng quý một cách đồng bộ để nâng cao hiệu ứng từ công tác truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành, UBND huyện, thành phố và các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về chỉ số chung của tỉnh.

- Thực hiện thu thập, tổng hợp số liệu chung các chỉ số của Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh; định kỳ hằng quý (trước ngày 30 tháng cuối quý) và hằng năm (trước ngày 25/12) báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc kịp thời phản ánh đến Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn, tổng hợp và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp BCVT, CNTT tỉnh;
- Các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, trung tâm;
- + Lưu: VT, KGVX.Cường.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn